

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2023

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục phổ thông, năm học 2022-2023

(Theo Thông tư số 36/2017 TT-BGDDT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm				
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1276 (87.7 %)	495 (87.15%)	374 (85.58 %)	407 (90.44%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	167 (11.48 %)	64 (11.27%)	61 (13.96 %)	42 (9.33 %)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	12 (0.82%)	9 (1.58%)	2 (0.46 %)	1 (0.22%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0 (%)	0 (%)	0 (%)	0 (%)
II	Số học sinh chia theo học lực				
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	289 (19.86%)	70 (12.32%)	98 (22.43%)	121 (26.89%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	906 (62.27 %)	375 (66.02%)	260 (59.5%)	271 (60.22 %)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	259 (17.8%)	123 (21.66%)	79 (18.08%)	57 (12.67%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	1 (0.07%)	(%)	(%)	1 (0.22%)
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	(%)	(%)	(%)	0 (%)
III	Tổng hợp kết quả cuối năm				
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1455 (100 %)	568 (100%)	437 (100%)	450 (100%)
2	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	289 (19.86%)	70 (12.32%)	98 (22.43%)	121 (26.89%)
3	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	531 (36.49%)	0 (0%)	260 (59.5%)	271 (60.22%)
4	Thí lại (tỷ lệ so với tổng số)	5 (0.34%)	1 (0.18%)	4 (0.92%)	0
5	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0
6	Chuyên trường đến/di (tỷ lệ so với tổng số)				0

7	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
8	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học)	27 (%)	6 (%)	7 (%)	14 (%)
III	Tổng hợp kết quả cuối năm				
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi				
1	Cấp tỉnh/thành phố	10			10
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	450	0	0	450
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	447	0	0	447
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	Không xếp	0	0	Không xếp
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	Không xếp	0	0	Không xếp
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	Không xếp	0	0	Không xếp
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	727/1455	274/568	228/437	225/450
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	41	20	9	12



HIỆU TRƯỞNG

Trần Ngọc Minh